



LILAMA 69-2

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2
LILAMA 69-2 Co

ĐỊA CHỈ: 26 TÂN VIÊN - P. THƯỢNG LÝ - Q. HỒNG BÀNG - TP. HẢI PHÒNG
Add: 26 Tan Vien st. - Thuong Ly ward. - Hong Bang district - Hai Phong city
Tel. : (84-31) 38 24761, 38 24984, 3525195 Fax : (84-31)3 8 24562 Email: lilama69-2@hn-vnn.vn Web: www.lilama69-2.com.vn



At 1

Số: *78/TCQT/2017*

Hải Phòng, ngày 28 tháng 03 năm 2017

(V/v: Công bố BCTC tổng hợp
sau kiểm toán năm 2016)

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

1. Tên Công ty: **Công ty cổ phần Lilama 69-2**
2. Mã chứng khoán: **L62**
3. Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, P. Thượng Lý, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
4. Điện thoại: 0313.525 195 Fax: 0313.824 562
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Phùng Phương Linh**
6. Nội dung của thông tin công bố:
 - 6.1 Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2016 của Công ty cổ phần Lilama 69-2 được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh phía Bắc lập ngày 21 tháng 03 năm 2017 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, Báo cáo Ban giám đốc, Báo cáo kiểm toán độc lập.
 - 6.2 Công văn giải trình chênh lệch Doanh thu và Lợi nhuận năm 2016 và năm 2015.
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo tài chính: <http://www.lilama69-2.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Trân trọng!

NGƯỜI ĐƯỢC UQ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Nơi nhận:

- Như k.gửi,
- Lưu.



Phùng Phương Linh



LILAMA 69-2

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2
LILAMA 69-2 Co

ĐỊA CHỈ: 26 TÂN VIÊN - P.THƯỢNG LÝ - Q. HỒNG BÀNG - TP.HẢI PHÒNG
Add: 26 Tan Vien st. - Thuong Ly ward. - Hong Bang district - Hai Phong city
Tel.: (84-31) 38 24761, 38 24984, 3525195 Fax: (84-31) 3 8 24562 Email: lilama69-2@hn-vnn.vn Web: www.lilama69-2.com.vn

A Số: 76/TC.UT/2017...

Hải Phòng, ngày 28 tháng 03 năm 2017

(V/v: Giải trình chênh lệch KQ SXKD tổng
hợp năm 2016 và năm 2015)

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

1. Tên Công ty: **Công ty cổ phần Lilama 69-2**
2. Mã chứng khoán: **L62**
3. Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, P. Thượng Lý, Q. Hồng Bằng, TP. Hải Phòng
4. Điện thoại: 0313.525 195 Fax: 0313.824 562
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Phùng Phương Linh**
6. Nội dung : (Giải trình chênh lệch kết quả SXKD tổng hợp năm 2016 và năm 2015). Thực hiện Thông tư số 155/2015/TT-BCT ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài Chính, Công ty cổ phần LILAMA69-2 xin giải trình như sau:

- Một số chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)	So sánh
Doanh thu thuần	338.370.450.843	325.524.261.420	103,95%
Lợi nhuận sau thuế	3.895.716.939	2.446.191.151	159,26%

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần LILAMA69-2 trong năm 2016 và năm 2015 tương đối ổn định, không có các thay đổi lớn. Công ty cổ phần LILAMA69-2 là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp. Doanh thu, chi phí và lợi nhuận chung của Công ty chịu ảnh hưởng bởi tiến độ và giai đoạn nghiệm thu của từng hợp đồng. Do đó, việc ghi nhận doanh thu, chi phí và lợi nhuận tại các thời điểm là khác nhau nên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giữa các quý có sự chênh lệch.

Trên đây là một số nguyên nhân dẫn đến chênh lệch kết quả sản xuất kinh doanh tổng hợp giữa năm 2016 và năm 2015 của Công ty cổ phần LILAMA69-2.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo tài chính: <http://www.lilama69-2.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Trân trọng!

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN



Nơi nhận:

- Như k.gửi,
- Lưu.

Phùng Phương Linh

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
1	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
2	Báo cáo kiểm toán độc lập	5
3	Báo cáo tài chính tổng hợp đã được	
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>	6 - 7
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động</i>	8
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	9
	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp</i>	10 - 32

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lilama 69-2 trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần LILAMA 69.2 được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty lắp máy và xây dựng 69.2. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0200155547 đăng ký thay đổi lần 6 ngày 17 tháng 4 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 020015547 ngày 17/4/2012, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là hoạt động xây lắp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 26 phố Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là 57.418.170.000 đồng (Năm mươi bảy tỷ, bốn trăm mười tám triệu, một trăm bảy mươi nghìn đồng).

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 020015547 ngày 17/4/2012 ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng, bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn sắt, thép;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, bột kim loại;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng, vận tải đường ống;
- Cho thuê máy móc thiết bị nông, lâm nghiệp; cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng; Cho thuê xe có động cơ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, khu công nghiệp;
- Thi công, lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 220KV; Xây dựng công trình giao thông;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; sơn mạ thiết bị kết cấu thép;
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng; Trang trí nội, ngoại thất công trình; Xây dựng nhà các loại;
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp; Sản xuất máy móc, thiết bị lọc bụi; Lắp đặt hệ thống điện;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị, thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Bốc xếp hàng hóa;

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2016 và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm

Ông Trương Đức Thành	Chủ tịch hội đồng quản trị
Ông Vũ Kế Chương	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Quốc Hùng	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Trần Xuân Trường	Thành viên hội đồng quản trị
Bà Lê Thị Minh	Thành viên hội đồng quản trị

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc bao gồm

Ông Vũ Kế Chương	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Đức Cường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21/12/2016
Bà Lê Thị Minh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23/5/2016
Ông Trần Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Giám Hiệu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hữu Hóa	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đỗ Tiến Thành	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23/5/2016
Ông Trương Đức Thành	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 23/5/2016

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Vũ Kế Chương chức vụ Tổng Giám đốc.

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - chi nhánh Phía Bắc được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính tổng hợp

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.

Số: 042.1/2017/BCKT-FB.00081

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Lilama 69-2

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Lilama 69-2 (sau đây gọi là “Công ty”), được lập ngày 25 tháng 02 năm 2017, từ trang 6 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Lilama 69-2 tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



ÔNG THẾ ĐỨC

Giám đốc

Giấy CNĐKHNKT số 0855-2016-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2017

LÊ VIỆT CƯỜNG

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHNKT số 2478-2016-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		418.857.452.758	333.022.347.603
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	3.119.137.379	28.413.907.197
1. Tiền	111		3.119.137.379	28.413.907.197
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		280.200.494.380	213.120.702.858
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	256.554.004.012	201.285.376.210
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		15.228.432.534	3.435.042.995
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	15.831.090.273	15.578.134.274
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(7.413.032.439)	(7.413.032.439)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	235.181.818
IV. Hàng tồn kho	140		134.785.880.112	90.842.561.421
1. Hàng tồn kho	141	5.4	134.785.880.112	90.842.561.421
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		751.940.887	645.176.127
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5.a	400.914.545	284.859.333
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		349.011.458	349.011.458
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		2.014.884	11.305.336
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		98.559.863.947	95.486.702.180
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.075.220.465	2.055.901.363
3. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	2.075.220.465	2.055.901.363
II. Tài sản cố định	220		85.371.744.782	82.919.413.529
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	83.306.495.530	81.675.379.909
- Nguyên giá	222		158.399.086.172	147.254.016.488
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(75.092.590.642)	(65.578.636.579)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.8	2.065.249.252	1.244.033.620
- Nguyên giá	225		2.326.865.454	2.615.745.461
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(261.616.202)	(1.371.711.841)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	-	-
- Nguyên giá	228		935.731.847	935.731.847
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(935.731.847)	(935.731.847)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.9	5.155.778.781	4.840.354.281
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		5.155.778.781	4.840.354.281
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.957.119.919	5.671.033.007
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5.b	5.957.119.919	5.671.033.007
TỔNG TÀI SẢN	270		517.417.316.705	428.509.049.783

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
			VND	VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		420.868.268.927	335.625.023.944
I. Nợ ngắn hạn	310		395.304.306.308	308.797.670.468
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	117.378.437.839	107.274.779.447
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		14.407.875.855	7.088.697.406
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11a	24.683.106.048	30.565.768.333
4. Phải trả người lao động	314		17.876.215.451	8.332.609.037
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	4.886.975.430	1.821.483.725
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		8.150.901.081	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	15.633.230.164	16.664.040.583
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	192.114.766.971	136.800.389.468
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		172.797.469	249.902.469
II. Nợ dài hạn	330		25.563.962.619	26.827.353.476
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.14	25.563.962.619	26.827.353.476
III. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		96.549.047.778	92.884.025.839
1. Vốn chủ sở hữu	410	5.15	96.549.047.778	92.884.025.839
Vốn góp của chủ sở hữu	411		57.418.170.000	57.418.170.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu	411a		57.418.170.000	57.418.170.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		12.897.222.273	12.897.222.273
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.827.601.316	18.596.906.316
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.487.098.421	1.410.200.421
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.918.955.768	2.561.526.829
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.023.238.829	115.335.678
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.895.716.939	2.446.191.151
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		517.417.316.705	428.509.049.783



Vũ Kế Chương
Tổng Giám đốc
 Hải Phòng, ngày 21 tháng 3 năm 2017

Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Kế toán trưởng

Trần Thị Hoài Thương
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

Chỉ tiêu	Mã Thuyết		Năm nay	Năm trước
	số	minh	VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	338.370.450.843	325.524.261.420
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		338.370.450.843	325.524.261.420
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	307.896.264.561	297.642.005.890
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		30.474.186.282	27.882.255.530
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	291.095.344	904.907.659
7. Chi phí tài chính	22	6.4	15.888.313.605	13.244.883.303
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>15.710.924.861</i>	<i>12.762.778.445</i>
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		13.953.423.939	12.575.358.895
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		923.544.082	2.966.920.991
11. Thu nhập khác	31		3.952.877.127	92.363.560
12. Chi phí khác	32		44.084.706	54.213.024
13. Lợi nhuận khác	40		3.908.792.421	38.150.536
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.832.336.503	3.005.071.527
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.5	936.619.564	558.880.376
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.895.716.939	2.446.191.151
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.20	678	426
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		409	426



Vũ Kế Chương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 21 tháng 3 năm 2017

Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Kế toán trưởng

Trần Thị Hoài Thương
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	309.979.518.536	328.509.688.174
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(268.079.267.762)	(207.481.418.665)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(77.833.154.259)	(90.143.151.735)
4. Tiền lãi vay đã trả	4	(15.655.947.686)	(12.941.342.824)
5. Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5	(1.275.496.378)	(1.335.540)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	17.154.525.160	11.551.109.400
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(35.682.511.111)	(29.545.830.836)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(71.392.333.500)	(52.282.026)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(8.077.563.906)	(3.320.878.000)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	66.336.470	72.669.587
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(8.011.227.436)	(3.248.208.413)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền thu từ đi vay	33	220.902.671.321	186.802.344.666
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(165.693.318.532)	(156.938.802.898)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(1.121.294.681)	(533.353.332)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	54.088.058.108	29.330.188.436
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(25.315.502.828)	26.029.697.997
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	28.413.907.197	2.390.281.654
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	20.733.010	(6.072.454)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	3.119.137.379	28.413.907.197



Vũ Kế Chương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 21 tháng 3 năm 2017

Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Kế toán trưởng

Trần Thị Hoài Thương
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần LILAMA 69.2 được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty lắp máy và xây dựng 69.2. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0200155547 đăng ký thay đổi lần 6 ngày 17 tháng 4 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 26 phố Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là 57.418.170.000 đồng, tổng số cổ phần là 5.741.817 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

1.2 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo đăng ký là:

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng, bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn sắt, thép;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, bột kim loại;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng, vận tải đường ống;
- Cho thuê máy móc thiết bị nông, lâm nghiệp; cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng; Cho thuê xe có động cơ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sở dụng hoặc đi thuê; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, khu công nghiệp;
- Thi công, lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 220KV; Xây dựng công trình giao thông;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; sơn mạ thiết bị kết cấu thép;
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng; Trang trí nội, ngoại thất công trình; Xây dựng nhà các loại;
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp; Sản xuất máy móc, thiết bị lọc bụi; Lắp đặt hệ thống điện;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị, thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Bốc xếp hàng hóa;

1.3 Cấu trúc của Công ty

Tại ngày 31/12/2016, công ty có 01 chi nhánh hạch toán độc lập, cụ thể:

<u>Tên Chi nhánh</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Chi nhánh Công ty cổ phần Lilama 69-2 - Xí nghiệp lắp máy và xuất nhập khẩu	Quận Hồng Bàng - thành phố Hải Phòng	Xây lắp

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

2. **Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)
3. **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
 - 3.1 **Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.
 - 3.2 **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:**

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.
4. **Các chính sách kế toán áp dụng**
 - 4.1 **Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
 - 4.2 **Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.
 - 4.3 **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.
 - 4.4 **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

4.5 Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4.6 Tài sản cố định và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí phân bổ công cụ dụng cụ có giá trị lớn, giá trị còn lại của những tài sản có nguyên giá dưới 30 triệu theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013. Các chi phí này phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng. Thời gian phân bổ theo quy định hiện hành.

4.8 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/thành viên/chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

4.9 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch giao hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên theo thông báo lãi của ngân hàng, vào thời điểm ngân hàng chuyển tiền vào tài khoản của Công ty.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay phát sinh tại Công ty bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay phát sinh trong năm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng cho mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

4.11 Thuế

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp;

4.12 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.13 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	288.067.685	1.325.269.320
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.831.069.694	27.088.637.877
Cộng	3.119.137.379	28.413.907.197

5.2 Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên không liên quan	242.916.799.215	145.625.196.534
- C.ty CP Xây Lắp Đường ống Bể Chứa Dầu Khí (H.đồng 43 ngày 22/4/2015)	1.465.720.169	6.753.799.746
- C.ty Cơ Khí & Xây Dựng Posco E&C Việt Nam (HĐ: 2015-C-H-0009)	2.452.986.675	4.283.938.184
- C.ty TNHH OLYMPIA (HĐ: 2011/2014/HĐ/OLP-Lilama 69-2 ngày 20/12/2014)	2.302.428.126	6.464.833.075
- Công ty TNHH xây dựng dân dụng Olympia HĐ 99/2016	20.054.406.000	-
- C.ty TNHH Tư Vấn Xây Dựng ánh Dương (HĐ: 148/2014/HĐ/ADC-Lilama 69-2 ngày 20/12/2014)	3.982.065.650	9.217.998.699
- Wuhan Kaidi Electric Power Environmental Co.,Lrd. (Nhiệt điện Thái Bình II)	5.914.516.093	5.676.225.511
- Công ty CP công nghiệp tàu thủy Đông Bắc HĐ 01/2015/HĐKT/DBS-LILAMA	11.941.359.637	5.733.675.637
- Công ty TNHH CT điện lực Kaidi Vũ Hán Trung Quốc - VPĐH CT tại Quảng Ninh HĐ 020	10.217.351.495	-
- Công ty cổ phần cơ khí và lắp máy Việt Nam - COLAVI - HĐ 160801 ngày 01/08/2016	50.727.555.560	-
- Khách hàng khác	133.858.409.810	107.494.725.682
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	13.637.204.797	55.660.179.676
- Tổng công ty Lắp máy Việt Nam	13.097.338.781	24.510.055.182
- Công ty CP chế tạo thiết bị và đóng tàu Hải Phòng	46.364.659	28.899.507.859
- Công ty cổ phần Lilama 10	493.501.357	1.993.501.357
- Công ty cổ phần Lilama 69-3	-	30.063.200
- Công ty cổ phần Lilama 7	-	227.052.078
Cộng	256.554.004.012	201.285.376.210

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

5.3 Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	15.831.090.273	-	15.578.134.274	-
- Ký cược, ký quỹ	3.232.326.692	-	2.429.969.646	-
- Phải thu khác	3.329.086.010	-	2.915.319.684	-
- Tạm ứng	9.269.677.571	-	10.232.844.944	-
Dài hạn	2.075.220.465	-	2.055.901.363	-
- Ký cược, ký quỹ	2.075.220.465	-	2.055.901.363	-
Cộng	17.906.310.738	-	17.634.035.637	-

5.4 Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	12.392.544.503	-	2.099.713.106	-
Công cụ, dụng cụ	1.290.420.879	-	1.498.199.166	-
Chi phí SXKD dở dang	120.869.414.730	-	87.244.649.149	-
Hàng hóa	233.500.000	-	-	-
Cộng	134.785.880.112	-	90.842.561.421	-

5.5 Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn	400.914.545	284.859.333
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	375.914.545	268.859.333
- Tiền thuê văn phòng	25.000.000	-
- Sửa chữa tài sản cố định	-	16.000.000
b. Dài hạn	5.957.119.919	5.671.033.007
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	557.613.879	138.752.228
- Các khoản khác	5.399.506.040	5.532.280.779
Cộng	6.358.034.464	5.955.892.340

5.6 Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm	TSCĐ	Cộng
	máy vi tính	vô hình khác	
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	-	935.731.847	935.731.847
Số cuối năm	-	935.731.847	935.731.847
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số đầu năm	-	935.731.847	935.731.847
Số cuối năm	-	935.731.847	935.731.847
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	-	-	-
Số cuối năm	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2
 Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
 Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

5.7 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số đầu năm	74.488.120.057	32.163.974.608	40.118.917.802	483.004.021	-	147.254.016.488
- Mua trong năm	-	6.704.471.128	1.136.363.636	47.272.610	-	7.888.107.374
- Đầu tư XDCB hoàn thành	3.239.652.527	-	-	-	-	3.239.652.527
- Mua lại tài sản thuê tài chính	-	1.550.254.552	-	-	-	1.550.254.552
- Thanh lý, nhượng bán	(692.271.677)	(733.124.520)	(107.548.572)	-	-	(1.532.944.769)
Số cuối năm	77.035.500.907	39.685.575.768	41.147.732.866	530.276.631	-	158.399.086.172
HAO MÔN LŨY KẾ						
Số đầu năm	15.504.635.893	19.385.904.023	30.263.278.532	424.818.131	-	65.578.636.579
- Khấu hao trong năm	3.408.921.401	2.848.841.088	3.225.064.875	12.630.872	-	9.495.458.236
- Mua lại tài sản thuê tài chính	-	1.540.254.552	-	-	-	1.540.254.552
- Thanh lý, nhượng bán	(681.085.633)	(733.124.520)	(107.548.572)	-	-	(1.521.758.725)
Số cuối năm	18.232.471.661	23.041.875.143	33.380.794.835	437.449.003	-	75.092.590.642
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số đầu năm	58.983.484.164	12.778.070.585	9.855.639.270	58.185.890	-	81.675.379.909
Số cuối năm	58.803.029.246	16.643.700.625	7.766.938.031	92.827.628	-	83.306.495.530

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:
 - Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

75.449.138.668 đồng
 35.147.493.564 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

5.8 Tài sản cố định thuê tài chính

	Phương tiện vận tải truyền dẫn <u>VND</u>	Thiết bị dụng cụ quản lý <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	2.615.745.461	-	2.615.745.461
- Thuê tài chính trong năm	1.251.374.545	-	1.251.374.545
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(1.540.254.552)	-	(1.540.254.552)
Số cuối năm	<u>2.326.865.454</u>	-	<u>2.326.865.454</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số đầu năm	1.371.711.841	-	1.371.711.841
- Khấu hao trong năm	430.158.913	-	430.158.913
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(1.540.254.552)	-	(1.540.254.552)
Số cuối năm	<u>261.616.202</u>	-	<u>261.616.202</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	<u>1.244.033.620</u>	-	<u>1.244.033.620</u>
Số cuối năm	<u>2.065.249.252</u>	-	<u>2.065.249.252</u>

5.9 Tài sản dở dang

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá đánh giá lại	Giá gốc
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Xây dựng cơ bản dở dang		-		-
Dự án đầu tư nâng cao năng lực Công ty năm 2012 và năm 2013	-	-	1.265.630.973	1.265.630.973
Khu nền bãi sau nhà xưởng phun hạt mài và nền sau nhà xưởng chính	-	-	1.277.661.920	1.277.661.920
Nhà ăn ca		-	662.903.187	662.903.187
Dự án đầu tư nâng cao năng lực Công ty năm 2016	3.205.512.008	3.205.512.008	-	-
Khác	1.950.266.773	1.950.266.773	1.634.158.201	1.634.158.201
Cộng	<u>5.155.778.781</u>	<u>5.155.778.781</u>	<u>4.840.354.281</u>	<u>4.840.354.281</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

5.10 Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	116.078.899.295	116.078.899.295	86.662.647.902	86.662.647.902
- C.Ty TNHH Chống ăn mòn Hoàng Long	441.191.487	441.191.487	1.091.191.487	1.091.191.487
- Công ty cổ phần cơ khí và lắp máy Việt Nam - COLAVI - HD 160801 ngày 01/08/2016	46.882.336.048	46.882.336.048	-	-
- Công ty CP Thương Mại Thái Giang	3.602.941.549	3.602.941.549	1.724.950.590	1.724.950.590
- Phải trả khác	65.152.430.211	65.152.430.211	83.846.505.825	83.846.505.825
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	1.299.538.544	1.299.538.544	20.612.131.545	20.612.131.545
- Tổng Công ty lắp máy Việt Nam	16.500.000	16.500.000	16.500.000	16.500.000
- Công ty CP Lilama 7	868.615.144	868.615.144	2.995.667.222	2.995.667.222
- Công ty CP Lilama 5	298.564.200	298.564.200	298.564.200	298.564.200
- Công ty CP Lilama 454	-	-	258.641.668	258.641.668
- Công ty cổ phần Lisemco	-	-	15.949.899.255	15.949.899.255
- Công ty cổ phần Lilama - thí nghiệm cơ điện	115.859.200	115.859.200	1.092.859.200	1.092.859.200
Cộng	117.378.437.839	117.378.437.839	107.274.779.447	107.274.779.447

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a. Thuế và các khoản phải nộp	30.565.768.333	12.979.610.310	18.862.272.595	24.683.106.048
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	25.747.772.413	11.491.537.673	16.228.950.383	21.010.359.703
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	13.542.541	13.542.541	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.592.536.314	936.619.564	1.275.496.378	3.253.659.500
- Thuế thu nhập cá nhân	1.222.711.625	258.893.150	1.065.265.911	416.338.864
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	275.017.382	275.017.382	-
- Các loại thuế khác	2.747.981	4.000.000	4.000.000	2.747.981

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

5.12 Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	4.886.975.430	1.821.483.725
- Trích trước chi phí công trình	4.762.408.293	1.751.601.840
- Trích trước lãi vay phải trả	124.567.137	69.881.885
b) Dài hạn	-	-
Cộng	4.886.975.430	1.821.483.725

5.13 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	15.633.230.164	16.664.040.583
- Kinh phí công đoàn	1.950.029.904	2.300.256.626
- Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế	2.701.905.507	9.355.931.026
- Bảo hiểm thất nghiệp	2.481.850.765	1.910.607.929
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.499.443.988	3.096.561.936
b) Dài hạn	-	-
Cộng	15.633.230.164	16.664.040.583

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

5.14 Vay và nợ thuế tài chính

TT	Nội dung	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn		192.114.766.971	192.114.766.971	215.705.223.499	160.390.845.996	136.800.389.468	136.800.389.468
-	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Hải Phòng ⁽¹⁾	80.805.991.967	80.805.991.967	94.546.907.706	83.734.981.528	69.994.065.789	69.994.065.789
-	Ngân hàng TMCP An Bình ⁽²⁾	107.494.175.004	107.494.175.004	116.107.579.304	59.316.596.786	50.703.192.486	50.703.192.486
-	Ngân hàng TMCP quân đội ⁽³⁾	-	-	5.050.736.489	11.839.267.682	6.788.531.193	6.788.531.193
-	Vay cá nhân	3.814.600.000	3.814.600.000	-	5.500.000.000	9.314.600.000	9.314.600.000
b) Vay dài hạn		24.237.898.628	24.237.898.628	3.835.527.822	5.339.543.998	25.741.914.804	25.741.914.804
-	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Hải Phòng ⁽⁴⁾	19.885.185.206	19.885.185.206	-	4.199.999.998	24.085.185.204	24.085.185.204
-	Ngân hàng TMCP quân đội - CN Hải Phòng ⁽⁵⁾	4.352.713.422	4.352.713.422	3.835.527.822	1.139.544.000	1.656.729.600	1.656.729.600
c) Thuế tài chính		1.326.063.991	1.326.063.991	1.361.920.000	1.121.294.681	1.085.438.672	1.085.438.672
-	Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN ⁽⁶⁾	1.326.063.991	1.326.063.991	1.361.920.000	1.121.294.681	1.085.438.672	1.085.438.672
Cộng		217.678.729.590	217.678.729.590	220.902.671.321	166.851.684.675	163.627.742.944	163.627.742.944

Thời hạn	Kỳ này		Kỳ trước	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống	-	-	-	-
Trên 1 đến 5 năm	1.228.838.452	107.543.771	636.429.330	533.353.332
		1.121.294.681	103.075.998	

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

5.14 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp)

(1) Vay Ngân hàng SHB Hải Phòng theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 3506/2016/HĐHM-PN/SHB 110400 ngày 16/6/2016, thời hạn vay là 12 tháng, hạn mức vay tối đa là 200 tỷ đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản quy định trong hợp đồng thế chấp số 391/14.BĐ/133.PTV ngày 19/3/2014; Hợp đồng số 733.KD/09.TCTS ngày 30/12/2008; Hợp đồng số 203.KD/09.TCTS ngày 23/3/2009; Hợp đồng số 1075/12.BĐ/346.NA ngày 30/5/2014; Hợp đồng số 0502/2013/TCQĐN/SHB.HP ngày 04/2/2013; Hợp đồng số SHB5L2004/2011/TCQĐN/SHBHP ngày 27/4/2011; Hợp đồng số 2406/2012/TCQĐN/SHBHP ngày 04/6/2012; Hợp đồng 5607/2013/TCQĐN/SHBHP ngày 30/7/2013; Hợp đồng số 7810/2013/TCQĐN/SHBHP ngày 17/10/2013; Hợp đồng số 10507/2015/HĐTC-QĐN/SHB 110400 ngày 05/7/2014; Hợp đồng số 392A/14/BĐ/134.PTV ngày 19/3/2014 và bổ sung các phụ lục hợp đồng số 5805/2015/TCQĐN/SHB110400/PL08 ngày 16/6/2016, phụ lục hợp đồng số 17811/2014/TCQĐN/SHB 110400/PL07 ngày 16/6/2016, phụ lục SHB5L2004/2011/TCQĐN/SHB-HP/PL09 ngày 16/6/2016, phụ lục hợp đồng số 0502/2014/TCQĐN/SHB-HP/PL 16 ngày 16/6/2016, phụ lục hợp đồng s4303/2014/HĐTC-PN/SHB-HP/PL 04 ngày 16/6/2016, phụ lục hợp đồng 203.KD/09.TCTS/2014/PLHĐ-06 ngày 16/6/2016, phụ lục hợp đồng số 8005/2014/HĐTC-PN/SHB 110400/PL03 ngày 16/6/2016, phụ lục hợp đồng 4203.02/2014/HĐTC-PN/SHB-HP/PL03 ngày 16/6/2016, phụ lục hợp đồng 4203.02/2014/HĐTC-PN/SHB-HP/PL02 ngày 16/6/2016, phụ lục hợp đồng 733.KD/08.TCTS/2014/PLHĐ-05 ngày 16/6/2016.

(2) Vay Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hải Phòng theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 2741/16/TD-TT/XI ngày 23/6/2016, thời hạn vay 12 tháng, hạn mức vay tối đa là 150 tỷ đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản và quyền đòi nợ quy định trong hợp đồng thế chấp số số 1393/14/TC/XI ngày 24/10/2014, Hợp đồng 2358/15/TC-TT/XI ngày 25/6/2015, hợp đồng số 3161/15/TC-TT/XI ngày 23/7/2015, hợp đồng số 2749/15TC-TT/XI ngày 23/7/2015, hợp đồng số 3197/TC-TT/XI ngày 23/7/2015, hợp đồng số 15/15/TC/XI ngày 23/7/2015, hợp đồng số 6160/15/TC-TT/XI ngày 08/12/2015, hợp đồng số 6500/15/TC-TT/XI ngày 15/12/2015, hợp đồng số 6716/15/TC-TT/XI ngày 22/12/2015, hợp đồng số 875/16/TC-TT/XI ngày 15/3/2016, hợp đồng số 1463/16/TC-TT/XI ngày 06/4/2016, Hợp đồng số 1795/16/TC-TT/XI ngày 25/4/2016, hợp đồng số 1838/16/TC-TT/XI ngày 05/5/2016, hợp đồng số 2907/16/TC-TT/XI ngày 23/6/2016.

(3) Vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hải Phòng theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 111.15.257.1339407.TD ngày 04/8/2015, thời hạn 12 tháng, hạn mức tín dụng là 40 tỷ đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ cụ thể. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản quy định trong hợp đồng đảm bảo số 4.15.257.133940.ĐB ngày 30/1/2015.

(4) Khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hải Phòng bao gồm các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số SHB13L2306/2009/HĐT/TDH-DN/SHBHP ngày 18/6/2009; Mục đích vay để mua sắm thiết bị thi công; thời hạn vay là 54 tháng; lãi suất thả nổi, điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần; Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

- Hợp đồng tín dụng số SHB14L2106/2009/HĐT/TDH-DN/SHBHP ngày 18/6/2009; Mục đích vay để đầu tư Nhà máy chế tạo thiết bị lọc bụi tĩnh điện; thời hạn vay là 90 tháng; lãi suất thả nổi điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần; Tài sản đảm bảo là toàn bộ nhà xưởng, máy móc thiết bị của dự án hình thành sau đầu tư.

(5) Vay Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hải Phòng theo Hợp đồng tín dụng số 141.15.257.1339407.TD ngày 03/9/2015; thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất thả nổi. Mục đích

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

vay để thanh toán tiền đầu tư máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải phục vụ hoạt động SXKD. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

Hợp đồng tín dụng số 64877.16.257.1339407.TD ngày 30/9/2016, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất thả nổi. Mục đích vay để đầu tư nâng cao năng lực sản xuất năm 2016. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

⁽⁶⁾ Thuê tài chính của Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NH TMCP Ngoại thương Việt Nam theo các Hợp đồng sau:

+ Hợp đồng thuê tài chính số 12.13.05/CTTC ngày 24/10/2013, thời hạn 36 tháng, số tiền gốc tính cho thuê 1.185.996.000 đồng. Mục đích: phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất: bằng lãi suất cho thuê cơ bản đồng Việt Nam do Công ty Cho thuê tài chính - NH TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố vào thời điểm thanh toán cộng biên độ 3,6%/năm.

+ Hợp đồng thuê tài chính 43.16.01/CTTC ngày 11/8/2016, thời hạn 48 tháng, số tiền gốc tính cho thuê 972.800.000 đồng. Mục đích: phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất: bằng lãi suất cơ bản đồng Việt Nam do Công ty cho thuê tài chính – NHTMCP Ngoại thương Việt Nam công bố vào thời điểm thanh toán cộng biên độ 2,3%.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

5.15 Vốn chủ sở hữu**5.15.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND			VND	VND			
01/01/2016	57.418.170.000	12.897.222.273	-	-	18.596.906.316	1.410.200.421	2.561.526.829	92.884.025.839	
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	3.895.716.939	3.895.716.939	
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	230.695.000	76.898.000	-	307.593.000	
- Tăng khác	-	-	-	266.113.246	-	-	-	266.113.246	
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	-	-	538.288.000	538.288.000	
- Giảm khác	-	-	-	266.113.246	-	-	-	266.113.246	
31/12/2016	57.418.170.000	12.897.222.273	-	-	18.827.601.316	1.487.098.421	5.918.955.768	96.549.047.778	

(*) Phân phối lợi nhuận năm 2015 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông:

- Trích quỹ đầu tư phát triển	230.695.000	đồng
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	230.695.000	đồng
- Quỹ khác thuộc vốn CSH	76.898.000	đồng
Tổng cộng	538.288.000	đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

5.15.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ đông	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Tổng Công ty lắp máy Việt Nam	30.478.070.000	30.478.070.000
- Vốn góp của cổ đông khác	26.940.100.000	26.940.100.000
Cộng	57.418.170.000	57.418.170.000

5.15.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.741.817	5.741.817
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.741.817	5.741.817
+ Cổ phiếu phổ thông	5.741.817	5.741.817
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.741.817	5.741.817
+ Cổ phiếu phổ thông	5.741.817	5.741.817
* Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Doanh thu	338.370.450.843	325.524.261.420
- Doanh thu hoạt động xây lắp	278.522.783.735	305.275.189.727
- Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ khác	59.847.667.108	20.249.071.693
Cộng	338.370.450.843	325.524.261.420

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Giá vốn hoạt động xây lắp	248.728.052.402	278.267.579.885
- Giá vốn bán hàng hóa, dịch vụ khác	59.168.212.159	19.374.426.005
Cộng	307.896.264.561	297.642.005.890

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	75.712.956	45.376.536
- Lãi chênh lệch tỷ giá	3.396.195	260.594.044
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	211.986.193	598.937.079
Cộng	291.095.344	904.907.659

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

6.4. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí lãi vay	15.710.924.861	12.832.660.330
- Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	177.388.744	412.222.973
- Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
- Chi phí tài chính khác	-	-
Cộng	15.888.313.605	13.244.883.303

6.5. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.832.336.503	3.005.071.527
Các khoản chi phí không được khấu trừ	62.747.511	124.141.074
- Các khoản chi phí (phạt)	22.955.511	54.213.024
- Thù lao HĐQT	39.792.000	62.100.000
- Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	-	7.828.050
Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế	211.986.193	588.847.255
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	211.986.193	588.847.255
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	4.683.097.821	2.540.365.346
Chi phí thuế TNDN hiện hành	936.619.564	558.880.376

6.6. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu**Lãi cơ bản trên cổ phiếu:**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	3.895.716.939	2.446.191.151
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	5.741.817	5.741.817
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	678	426

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

Lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	3.895.716.939	2.446.191.151
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	5.741.817	5.741.817
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm (CP)	3.786.167	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)	409	426

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu	169.574.524.222	102.292.434.672
Chi phí nhân công	88.062.787.169	89.543.632.326
Khấu hao tài sản cố định	9.925.617.149	9.680.674.507
Chi phí dịch vụ mua ngoài	71.736.603.722	125.899.639.478
Chi phí bằng tiền khác	22.261.452.044	20.781.173.257
Cộng	361.560.984.306	348.197.554.240

6.8 Công cụ tài chính**Quản lí rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của Công ty bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 4.12.

Các loại công cụ tài chính

	Số cuối năm VND	Giá trị ghi sổ Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.119.137.379	28.413.907.197
Phải thu khách hàng và phải thu khác	274.460.314.750	218.919.411.847
Cộng	277.579.452.129	247.333.319.044
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	217.678.729.590	163.627.742.944
Phải trả người bán và phải trả khác	125.877.881.827	110.371.341.383
Chi phí phải trả	4.886.975.430	1.821.483.725
Cộng	348.443.586.847	275.820.568.052
Trạng thái ròng	(70.864.134.718)	(28.487.249.008)

Tại ngày 31/12/2016 Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư số 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và giá khác như giá cổ phiếu. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó.

Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Số cuối năm			
Vay và nợ ngắn hạn	192.114.766.971	25.563.962.619	217.678.729.590
Phải trả người bán và phải trả khác	125.877.881.827	-	125.877.881.827
Chi phí phải trả	4.886.975.430	-	4.886.975.430
Cộng	322.879.624.228	25.563.962.619	348.443.586.847
Số đầu năm			
Vay và nợ ngắn hạn	136.800.389.468	26.827.353.476	163.627.742.944
Phải trả người bán và phải trả khác	110.371.341.383	-	110.371.341.383
Chi phí phải trả	1.821.483.725	-	1.821.483.725
Cộng	248.993.214.576	26.827.353.476	275.820.568.052

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

Bảng sau đây trình bày chi tiết tài sản tài chính theo mức đáo hạn. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu.

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.119.137.379	-	3.119.137.379
Phải thu khách hàng và phải thu khác	272.385.094.285	2.075.220.465	274.460.314.750
Cộng	275.504.231.664	2.075.220.465	277.579.452.129
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.413.907.197	-	28.413.907.197
Phải thu khách hàng và phải thu khác	216.863.510.484	2.055.901.363	218.919.411.847
Cộng	245.277.417.681	2.055.901.363	247.333.319.044

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

6.9 Báo cáo bộ phận**Báo cáo bộ phận chính yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động xây lắp	Hoạt động khác	Tổng cộng toàn DN
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	278.522.783.735	59.847.667.108	338.370.450.843
Khấu hao và chi phí phân bổ	8.170.070.737	1.755.546.412	9.925.617.149
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.206.680.500	689.036.439	3.895.716.939
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	9.139.481.919	-	9.139.481.919
Tài sản bộ phận	517.417.316.705	-	517.417.316.705
Tổng tài sản	517.417.316.705	-	517.417.316.705
Nợ phải trả bộ phận	420.868.268.927	-	420.868.268.927
Tổng nợ phải trả	420.868.268.927	-	420.868.268.927

Báo cáo bộ phận thứ yếu: Theo lĩnh vực địa lý

	Miền Bắc	Miền Nam, Miền Trung, Tây Nguyên	Tổng cộng toàn DN
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	338.370.450.843	-	338.370.450.843
Tài sản bộ phận	517.417.316.705	-	517.417.316.705
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	9.139.481.919	-	9.139.481.919

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016****6.10 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
Ngoại tệ các loại		
USD	2.957,58	321.919,78
EUR	197,52	207,53

7 Thông tin khác**7.1 Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

7.2 Thông tin về các bên liên quan

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Thu nhập của ban Tổng Giám đốc, HĐQT	1.266.472.800	1.314.060.000
Tiền lương, thưởng, phụ cấp HĐQT, Ban TGD	1.266.472.800	1.314.060.000

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/(Phải trả)
Tổng Công ty lắp máy Việt Nam	Công ty mẹ	Phải thu khách hàng Phải trả người bán	13.097.338.781 (16.500.000)
Công ty cổ phần lilama 10	Thành viên Tổng Công ty	Phải thu khách hàng	493.501.357
Công ty cổ phần Lisemco	Thành viên Tổng Công ty	Phải thu khách hàng	46.364.659
Công ty cổ phần Lisemco	Thành viên Tổng Công ty	Người mua trả tiền trước	(1.781.379.671)
Công ty cổ phần lilama 5	Thành viên Tổng Công ty	Phải trả người bán	(298.564.200)
Công ty cổ phần lilama 7	Thành viên Tổng Công ty	Phải trả người bán	(868.615.144)
Công ty cổ phần Lisemco	Thành viên Tổng Công ty	Trả trước người bán	517.891.710
Công ty cổ phần Lilama - thí nghiệm cơ điện	Thành viên Tổng Công ty	Phải trả người bán	(115.859.200)

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016****7.3 Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K. Số liệu này đã được điều chỉnh lại theo Biên bản kiểm toán Nhà nước ngày 26/10/2016. Cụ thể:

Khoản mục	Mã số	Số liệu tại	Số liệu tại	Chênh lệch
		31/12/2015 theo biên bản KTNN	31/12/2015 theo BCKT	
A. Bảng cân đối kế toán				
Phải thu ngắn hạn khác	136	15.578.134.274	12.921.537.899	2.656.596.375
Hàng tồn kho	141	90.842.561.421	89.108.337.870	1.734.223.551
Thuế GTGT được khấu trừ	152	349.011.458	-	349.011.458
Tài sản cố định hữu hình				
- Nguyên giá	222	147.254.016.488	147.757.146.966	(503.130.478)
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(65.578.636.579)	(66.081.767.057)	503.130.478
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.840.354.281	7.328.450.542	(2.488.096.261)
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.671.033.007	4.290.175.721	1.380.857.286
Cộng tài sản				3.632.592.409
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	30.565.768.333	27.911.280.177	2.654.488.156
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	1.821.483.725	1.751.601.840	69.881.885
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	2.561.526.829	1.653.304.461	908.222.368
Cộng nguồn vốn				3.632.592.409
B. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh				
Giá vốn hàng bán	11	297.642.005.890	300.757.086.727	(3.115.080.837)
Chi phí tài chính	22	13.244.883.303	13.175.001.418	69.881.885
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	12.575.358.895	10.712.062.979	1.863.295.916
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	558.880.376	285.199.708	273.680.668
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	2.446.191.151	1.537.968.783	908.222.368



Vũ Kế Chương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 21 tháng 3 năm 2017

Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Kế toán trưởng

Trần Thị Hoài Thương
Người lập